

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	PHAN THANH NGOC AN	10/02/2005	106458	Nữ	10A01	
02	TRẦN PHẠM MAI ANH	05/09/2005	114300	Nữ	10A01	
03	LÊ NAM ANH	14/11/2005	107785	Nam	10A01	
04	PHẠM THANH KHANH BĂNG	29/07/2005	164106	Nữ	10A01	
05	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	17/05/2005	92077	Nữ	10A01	
06	LÊ NGUYỄN QUỐC ĐẠT	14/10/2005	101846	Nam	10A01	
07	LÊ NGUYỄN QUỐC ĐẠT	22/04/2005	106515	Nam	10A01	
08	NGUYỄN QUỐC DŨNG	08/08/2005	106533	Nam	10A01	
09	TRƯƠNG THY HỒNG DUYỀN	09/05/2004	107219	Nữ	10A01	
10	NGUYỄN QUYNH NGOC HÂN	16/06/2005	106566	Nữ	10A01	
11	LÊ HUYNH TRUNG HIỆU	31/03/2005	107258	Nam	10A01	
12	NGUYỄN LÊ KHANH HOANG	15/09/2005	106599	Nam	10A01	
13	PHAN CAO HUY	21/09/2005	107285	Nam	10A01	
14	NGUYỄN MAI GIA HUY	22/03/2005	100230	Nam	10A01	
15	VUÔNG NHẬT HUY	20/07/2005	109347	Nam	10A01	
16	BUI NGUYỄN KHANG	05/04/2005	101951	Nam	10A01	
17	LÊ MINH KHÔI	16/06/2005	107323	Nam	10A01	
18	NGUYỄN CHÂU THIÊN KIM	08/06/2005	113186	Nữ	10A01	
19	NGUYỄN ĐÌNH MÃN	27/06/2005	92162	Nam	10A01	
20	HUYNH PHƯƠNG NGHI	23/03/2005	106736	Nữ	10A01	
21	HUYNH XUÂN NGHI	27/01/2005	106737	Nữ	10A01	
22	TÔ THI BẢO NGỌC	11/02/2005	91639	Nữ	10A01	
23	TRẦN MINH NHẬT	13/10/2005	107454	Nam	10A01	
24	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG NHI	27/12/2005	107456	Nữ	10A01	
25	TRẦN QUYNH NHƯ	01/11/2005	100482	Nữ	10A01	
26	LÊ TĂNG MINH PHÁT	04/06/2005	107491	Nam	10A01	
27	NGUYỄN TUÂN PHONG	12/03/2005	106825	Nam	10A01	
28	TRẦN KIM PHỤNG	18/02/2005	107515	Nữ	10A01	
29	UÔNG DUY QUANG	23/03/2005	106869	Nam	10A01	
30	HOANG THAO QUYÊN	01/01/2005	92253	Nữ	10A01	
31	LÊ TRẦN NHƯ QUYNH	05/09/2005	107541	Nữ	10A01	
32	ĐÀO QUỐC TÀI	26/12/2005	106891	Nam	10A01	
33	ĐỖ DUY THAI	18/10/2005	91947	Nam	10A01	
34	LƯU TRẦN GIA THỊNH	17/05/2005	106935	Nam	10A01	
35	NGUYỄN MINH THU	07/03/2005	106957	Nữ	10A01	
36	MAI NGOC BAO TRẦN	24/01/2005	106989	Nữ	10A01	
37	TRẦN NGUYỄN THANH TRANG	26/08/2005	107660	Nữ	10A01	
38	NGUYỄN MINH TRUNG	02/09/2005	107020	Nam	10A01	
39	LƯƠNG QUỐC TRUNG	29/07/2005	107683	Nam	10A01	
40	TRẦN THIÊN MINH TU	11/05/2005	115828	Nam	10A01	
41	LÊ VÔ ANH TUÂN	18/08/2005	107695	Nam	10A01	
42	NGUYỄN THANH TUYỀN	13/09/2005	107042	Nữ	10A01	
43	PHẠM NGỌC TUYẾT	05/08/2005	106359	Nữ	10A01	
44	NGUYỄN THỊ TUYẾT VAN	07/10/2005	107054	Nữ	10A01	
45	PHẠM THUY VUÔNG	20/09/2005	92023	Nam	10A01	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	PHAN ĐỨC ANH	16/01/2005	101786	Nam	10A02	
02	PHAM HỒNG ANH	11/03/2005	104035	Nữ	10A02	
03	PHAM HOANG BAO	28/02/2005	106489	Nam	10A02	
04	TRẦN MAI CHI	14/04/2005	102536	Nữ	10A02	
05	NGUYỄN QUỐC DÂN	04/02/2005	101838	Nam	10A02	
06	BUI LÊ ANH DƯƠNG	09/02/2005	106535	Nam	10A02	
07	ĐOÀN NHƯ HÀ	21/08/2005	107224	Nữ	10A02	
08	QUANG YẾN HÂN	23/10/2005	107237	Nữ	10A02	
09	NGUYỄN MINH HOANG	25/09/2005	106600	Nam	10A02	
10	LÊ HOANG THANH HƯƠNG	21/09/2005	106605	Nữ	10A02	
11	LÊ THỊ THAO HƯƠNG	24/02/2005	107275	Nữ	10A02	
12	KHUU QUANG HUY	04/02/2005	106611	Nam	10A02	
13	LƯU NGUYỄN THAI HUY	26/03/2005	106612	Nam	10A02	
14	DƯƠNG NGUYỄN GIA KHANG	28/03/2005	101106	Nam	10A02	
15	VŨ TRẦN ANH KHOA	22/10/2005	101136	Nam	10A02	
16	PHAN NGOC MINH KHUÊ	24/11/2005	90420	Nữ	10A02	
17	TRẦN LÊ TUÂN KIẾT	29/04/2005	106665	Nam	10A02	
18	MAI NGUYỄN TRÚC LINH	26/01/2005	91367	Nữ	10A02	
19	CHÂU THỊ THUY LỘC	14/01/2005	106691	Nữ	10A02	
20	ĐÌNH PHAN HIỆP MINH	14/09/2005	107386	Nam	10A02	
21	NGUYỄN ĐĂNG KIM NGÂN	30/11/2005	107413	Nữ	10A02	
22	HOANG TRONG NGHI	21/10/2005	106735	Nam	10A02	
23	PHAM HOANG PHU	06/01/2005	106827	Nam	10A02	
24	HỒ MINH PHƯƠNG	13/04/2005	115708	Nam	10A02	
25	QUAN TRONG MINH QUÂN	24/04/2005	101429	Nam	10A02	
26	NGUYỄN THANH QUÂN	03/10/2005	106861	Nam	10A02	
27	PHUNG TRI QUÂN	24/12/2005	107532	Nam	10A02	
28	CAO CHÍ QUANG	17/11/2005	106865	Nam	10A02	
29	LÊ VŨ QUANG	28/07/2005	107534	Nam	10A02	
30	BUI ĐÌNH BAO SANG	23/10/2005	106880	Nam	10A02	
31	TRẦN TÂN TÂN	14/04/2005	107565	Nam	10A02	
32	NGUYỄN TIỀN THỊNH	03/08/2005	114746	Nam	10A02	
33	BUI NGUYỄN MINH THU	20/12/2005	106949	Nữ	10A02	
34	LÊ MINH THU	08/04/2005	107605	Nữ	10A02	
35	NGUYỄN NGỌC CAT TIEN	19/05/2005	114778	Nữ	10A02	
36	PHAM BUI THUY TIEN	01/04/2005	106975	Nữ	10A02	
37	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	01/10/2005	106983	Nữ	10A02	
38	MAI THAO TRÂM	25/08/2005	107647	Nữ	10A02	
39	LƯƠNG HOANG BAO TRẦN	17/12/2005	101594	Nữ	10A02	
40	HUYNH THANH TRANG	10/07/2005	106996	Nữ	10A02	
41	HUYNH PHAM THANH TRÚC	19/06/2005	107014	Nữ	10A02	
42	ĐỖ LÊ CẨM TÚ	09/09/2005	107029	Nữ	10A02	
43	TRẦN NGUYỄN THỊ THUY VY	16/08/2005	107091	Nữ	10A02	
44	LÊ HOANG YẾN	04/10/2005	101741	Nữ	10A02	
45	Nguyễn Phạm Tuấn			Nam	10A02	BL

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	CHÂU NGOC PHƯƠNG AN	10/10/2005	107118	Nữ	10A03	
02	TRẦN ĐỨC ANH	04/04/2005	107812	Nam	10A03	
03	NGUYỄN NGOC QUÊ ANH	29/11/2005	100039	Nữ	10A03	
04	NGUYỄN MAI TRÂM ANH	08/07/2005	107128	Nữ	10A03	
05	TRẦN VIỆT ANH	04/04/2005	107818	Nam	10A03	
06	NGUYỄN HỮU QUANG CHÍ	18/04/2005	112983	Nam	10A03	
07	TRẦN TIẾN ĐẠT	06/09/2004	105221	Nam	10A03	
08	CAO VŨ DUẬN	06/07/2005	91715	Nam	10A03	
09	TRẦN CHÍ DŨNG	13/06/2005	100966	Nam	10A03	
10	NGUYỄN THU HẰNG	22/09/2005	102434	Nữ	10A03	
11	ĐINH TRUNG HIỆU	28/07/2005	107257	Nam	10A03	
12	LÊ VĂN HUNG	05/03/2004	107270	Nam	10A03	
13	PHẠM GIA KHANG	18/05/2005	107302	Nam	10A03	
14	NGUYỄN HOÀNG MINH KHANG	11/11/2005	113876	Nam	10A03	
15	TRẦN TUNG LÂM	15/02/2005	114502	Nam	10A03	
16	NGUYỄN NGOC THỦY LINH	03/10/2005	107351	Nữ	10A03	
17	BUI KIM NGÂN	25/01/2005	100379	Nữ	10A03	
18	PHẠM THỊ BAO NGHI	11/04/2005	107425	Nữ	10A03	
19	HOA TRẦN PHƯƠNG NGHI	02/04/2005	101276	Nữ	10A03	
20	PHAN TRẦN KHÔI NGUYỄN	17/12/2005	106764	Nam	10A03	
21	TRẦN PHƯƠNG THAO NGUYỄN	01/05/2005	107448	Nữ	10A03	
22	PHAN HUYNH NGUYỄN	16/03/2005	114028	Nam	10A03	
23	LÊ ĐĂNG THANH NHÂN	05/12/2005	101319	Nam	10A03	
24	TĂNG THANH NHÂN	09/12/2005	101323	Nam	10A03	
25	NGUYỄN TUÂN PHONG	09/08/2005	114652	Nam	10A03	
26	TRINH NGOC HA PHƯƠNG	05/11/2005	106855	Nữ	10A03	
27	NGUYỄN THIÊN MINH QUÂN	14/09/2005	100547	Nam	10A03	
28	NGUYỄN MINH TÂM	08/10/2005	107558	Nữ	10A03	
29	DƯƠNG NGOC PHƯƠNG THAO	03/10/2005	100607	Nữ	10A03	
30	TÔ ANH THU	20/11/2005	100653	Nữ	10A03	
31	VŨ MINH THU	09/06/2005	133244	Nữ	10A03	
32	BUI NGOC PHƯƠNG THUY	23/03/2005	114773	Nữ	10A03	
33	TRẦN MINH PHƯƠNG THUY	26/11/2005	100664	Nữ	10A03	
34	NGUYỄN LAM THANH THUY	23/06/2005	101556	Nữ	10A03	
35	LÊ THỊ MỸ TIEN	18/12/2005	100669	Nữ	10A03	
36	HUYNH NGOC BAO TRẦN	12/08/2005	114792	Nữ	10A03	
37	NGUYỄN NGOC BAO TRẦN	10/06/2005	105035	Nữ	10A03	
38	NGUYỄN THANH BAO TRẦN	04/08/2005	107653	Nữ	10A03	
39	HUYNH THỊ THUY TRANG	21/07/2005	100708	Nữ	10A03	
40	LÊ MINH TRÍ	26/11/2005	107663	Nam	10A03	
41	PHẠM MINH TRÍ	04/10/2005	107665	Nam	10A03	
42	PHAN NGOC CẨM TÚ	27/07/2005	101644	Nữ	10A03	
43	LƯƠNG ANH TUÂN	16/08/2005	101652	Nam	10A03	
44	NGUYỄN LÊ THAO VY	05/06/2005	114254	Nữ	10A03	
45	TĂNG NGUYỄN NHƯ Ý	23/05/2005	114886	Nữ	10A03	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	NGUYỄN HOÀI AN	22/08/2005	106457	Nam	10A04	
02	TRẦN LÊ QUỐC AN	30/09/2005	102427	Nam	10A04	
03	NGUYỄN LÊ HỒNG ANH	26/07/2005	92043	Nữ	10A04	
04	HUYNH MAI ANH	25/04/2005	114289	Nữ	10A04	
05	MAI XUÂN ANH	28/01/2005	107125	Nữ	10A04	
06	NGÔ THỊ NGUYỆT ANH	18/10/2005	114305	Nữ	10A04	
07	NGUYỄN DUY BACH	14/04/2005	100887	Nam	10A04	
08	LÊ HOANG DUY BAO	05/09/2005	100893	Nam	10A04	
09	ĐOÀN QUỐC BAO	26/07/2005	107148	Nam	10A04	
10	NGUYỄN ĐẠI MINH ĐĂNG	01/10/2005	112992	Nam	10A04	
11	TRẦN THIÊN ĐĂNG	10/10/2005	100938	Nam	10A04	
12	LÊ NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	24/12/2005	100945	Nam	10A04	
13	HUYNH THỊ NGỌC DIỄM	22/04/2005	106523	Nữ	10A04	
14	LÊ THANH HÀ	13/05/2005	100992	Nữ	10A04	
15	TRẦN NGỌC HÂN	06/06/2005	106569	Nữ	10A04	
16	VÕ TRẦN MINH HIẾN	21/06/2005	104268	Nam	10A04	
17	NGUYỄN CHI HIỆU	05/01/2005	114407	Nam	10A04	
18	NGUYỄN ĐỨC HUNG	06/11/2005	101055	Nam	10A04	
19	LÊ DIỄM HÀ LINH	28/07/2005	102040	Nữ	10A04	
20	HUYNH PHAN NHẬT LINH	29/07/2005	107345	Nữ	10A04	
21	LÊ THUY LINH	04/01/2005	107347	Nữ	10A04	
22	NGÔ KHAI LUÂN	08/08/2005	101212	Nam	10A04	
23	VÕ TÂN MINH	21/10/2005	106712	Nam	10A04	
24	NGUYỄN TRI MINH	11/11/2005	102439	Nam	10A04	
25	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	02/03/2005	106727	Nữ	10A04	
26	VÕ PHẠM THANH NGÂN	28/05/2005	90555	Nữ	10A04	
27	DƯƠNG KHANH NGỌC	26/04/2005	114587	Nữ	10A04	
28	PHẠM NGỌC PHƯƠNG NHI	06/11/2005	109749	Nữ	10A04	
29	NGUYỄN TRƯỞNG TUYẾT NHI	30/08/2005	107470	Nữ	10A04	
30	LÊ YẾN NHI	19/10/2005	107464	Nữ	10A04	
31	DƯƠNG QUANG TUÂN NINH	27/02/2005	106805	Nam	10A04	
32	VŨ NGỌC TUÂN PHONG	19/01/2005	107501	Nam	10A04	
33	TRẦN NGỌC SƠN	18/12/2005	106890	Nam	10A04	
34	NGUYỄN NGỌC CÁT TIỀN	20/12/2005	100671	Nữ	10A04	
35	NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	09/08/2005	102316	Nam	10A04	
36	PHU VINH QUYNH TRANG	27/02/2005	100709	Nữ	10A04	
37	TRẦN NGỌC VĂN TRANG	04/01/2005	100711	Nữ	10A04	
38	HÀ THỊ THANH TRÚC	02/02/2005	101625	Nữ	10A04	
39	DU THANH TRUNG	08/01/2005	101629	Nam	10A04	
40	CAO THANH TỰ	16/03/2005	107027	Nam	10A04	
41	ĐOÀN NGUYỄN BAO UYÊN	30/04/2005	92333	Nữ	10A04	
42	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG UYÊN	02/04/2005	107720	Nữ	10A04	
43	HUYNH NGỌC KIM VY	12/07/2005	114869	Nữ	10A04	
44	LAM YẾN VY	14/03/2005	107735	Nữ	10A04	
45	NGUYỄN NGỌC NHƯ Y	20/07/2005	114884	Nữ	10A04	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	NGUYỄN ĐÔNG MINH ANH	31/03/2005	100033	Nữ	10A05	
02	NGUYỄN ĐĂNG TƯỜNG ANH	04/03/2005	100848	Nữ	10A05	
03	PHẠM CHÍ BAO	15/09/2005	107842	Nam	10A05	
04	DUƠNG QUỐC BAO	14/04/2005	107149	Nam	10A05	
05	NGÔ CÔNG BÌNH	25/02/2005	114316	Nam	10A05	
06	NGUYỄN THIÊN BÌNH	31/03/2005	112975	Nam	10A05	
07	NGUYỄN PHAN YẾN CHI	24/05/2005	101830	Nữ	10A05	
08	HỒ MINH CHIẾN	28/12/2005	106503	Nam	10A05	
09	HỒ TÂN ĐẠT	08/05/2005	100943	Nam	10A05	
10	PHẠM VÕ QUỲNH ĐOÀN	06/12/2005	114349	Nữ	10A05	
11	NGUYỄN MINH ĐỨC	07/11/2005	100954	Nam	10A05	
12	LAM NGỌC BAO DUY	08/02/2005	107208	Nam	10A05	
13	TRẦN LÊ KHANH DUY	07/07/2005	106546	Nam	10A05	
14	VÕ PHẠM MỸ DUYỀN	16/02/2005	104200	Nữ	10A05	
15	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG DUYỀN	01/08/2005	104193	Nữ	10A05	
16	NGUYỄN LAM GIA	03/05/2005	100986	Nam	10A05	
17	NGÔ HOÀNG GIA HÂN	22/12/2005	106563	Nữ	10A05	
18	NGUYỄN MINH HĂNG	24/08/2005	114394	Nữ	10A05	
19	VŨ LÊ HOÀNG HUY	23/01/2005	107291	Nam	10A05	
20	PHẠM TUẤN KHANH	16/11/2005	106635	Nam	10A05	
21	NGUYỄN TRUNG KIẾN	28/01/2005	100303	Nam	10A05	
22	NGUYỄN QUỐC MINH	08/12/2005	102418	Nam	10A05	
23	NGUYỄN NGỌC TRONG MINH	19/06/2005	114549	Nam	10A05	
24	TẠ LY DIỄM MY	26/08/2005	101249	Nữ	10A05	
25	VÕ NGUYỄN HAI MY	11/12/2005	101251	Nữ	10A05	
26	NGUYỄN QUỲNH NGA	05/04/2004	107405	Nữ	10A05	
27	NGUYỄN HOÀNG BÍCH NGỌC	14/07/2005	101291	Nữ	10A05	
28	HUYNH KHANH NHI	29/10/2005	114616	Nữ	10A05	
29	NGUYỄN HỒNG YẾN NHI	14/05/2005	109745	Nữ	10A05	
30	LƯU HAO NHƯ	11/11/2005	106793	Nữ	10A05	
31	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	24/05/2005	108452	Nữ	10A05	
32	ĐÀO THANH PHONG	11/05/2005	106822	Nam	10A05	
33	NGUYỄN THANH THUẬN PHON	06/02/2005	114651	Nam	10A05	
34	TRẦN THỊ XUÂN QUỲNH	02/01/2005	101455	Nữ	10A05	
35	NGUYỄN TRẦN NGỌC SƠN	07/11/2005	106889	Nam	10A05	
36	NGUYỄN TRUNG THÔNG	05/04/2005	106947	Nam	10A05	
37	VÕ MINH THU	30/07/2005	100657	Nữ	10A05	
38	ĐOÀN NGỌC THUY TIẾN	25/01/2005	114159	Nữ	10A05	
39	NGÔ ĐỖ NGỌC TRÂM	02/09/2005	113523	Nữ	10A05	
40	NGUYỄN PHẠM BAO TRẦN	09/05/2005	106991	Nữ	10A05	
41	PHẠM BAO TRẦN	26/02/2005	100702	Nữ	10A05	
42	LY KIỀU TRINH	28/03/2005	107010	Nữ	10A05	
43	NGUYỄN HOÀNG MINH TỬ	15/03/2005	107692	Nữ	10A05	
44	LÊ NGUYỄN LONG VŨ	26/01/2005	114862	Nam	10A05	
45	NGUYỄN THUY TƯỜNG VY	07/11/2005	107087	Nữ	10A05	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	NGUYỄN THÈ ANH	22/05/2005	104027	Nam	10A06	
02	TÀNG PHUNG PHÚC BAO	25/05/2005	107156	Nam	10A06	
03	LÊ THI HỒNG ĐÀO	26/01/2005	100109	Nữ	10A06	
04	HUYNH THANH ĐẠT	04/08/2004	107180	Nam	10A06	
05	LUƠNG TỊCH ĐỨC	12/04/2005	106529	Nam	10A06	
06	PHAM THI KIM DUNG	03/04/2005	107198	Nữ	10A06	
07	NGUYỄN LAM DUY	05/01/2005	106542	Nam	10A06	
08	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG DUYỆ	20/06/2005	100148	Nữ	10A06	
09	NGUYỄN NGỌC TRÚC DUYỀN	20/12/2005	107216	Nữ	10A06	
10	ĐẶNG NGUYỄN HỒNG HẠN	22/02/2005	106560	Nữ	10A06	
11	LÊ THI TUYẾT HẠN	09/08/2005	106561	Nữ	10A06	
12	QUANG TÂN HAO	08/07/2005	106575	Nam	10A06	
13	NGUYỄN HOANG TUÂN HÙNG	15/02/2005	104309	Nam	10A06	
14	LÊ NGUYỄN BAO KHANG	20/03/2005	100252	Nam	10A06	
15	NGUYỄN DUY KHANG	10/10/2005	106629	Nam	10A06	
16	HUYNH VŨ PHƯỚC KHÔI	25/02/2005	113170	Nam	10A06	
17	DƯƠNG THI THANH LOAN	16/03/2005	106688	Nữ	10A06	
18	PHAM THI HỒNG NGÂN	20/10/2005	107418	Nữ	10A06	
19	TRẦN KIM ANH NGỌC	08/09/2005	106753	Nữ	10A06	
20	GIANG KHẢ NHƯ	02/07/2005	100477	Nữ	10A06	
21	NGÔ LÊ TÂM NHƯ	17/04/2005	101353	Nữ	10A06	
22	PHAM YÊN NHƯ	10/04/2005	106801	Nữ	10A06	
23	HỒNG MỸ NHUNG	08/11/2005	106804	Nữ	10A06	
24	NGUYỄN DUY PHÁT	06/11/2005	114645	Nam	10A06	
25	PHẠM THANH PHONG	17/09/2005	107499	Nam	10A06	
26	ĐỖ NGUYỄN MINH PHƯƠNG	25/01/2005	106846	Nam	10A06	
27	TRẦN NGUYỄN THANH PHUON	25/02/2005	107524	Nữ	10A06	
28	PHẠM LÝ PHƯƠNG QUYỀN	18/06/2005	107536	Nữ	10A06	
29	HUYNH QUỐC THAI	28/05/2005	107566	Nam	10A06	
30	PHAN VINH THAI	07/02/2005	107569	Nam	10A06	
31	HỒ THI MINH THAO	25/03/2005	106918	Nữ	10A06	
32	VŨ NGỌC PHƯƠNG THAO	30/09/2005	106927	Nữ	10A06	
33	HUYNH PHƯỚC THỊNH	20/04/2005	114745	Nam	10A06	
34	LÊ NGUYỄN CÁT TIỀN	12/05/2005	105000	Nữ	10A06	
35	TU NGỌC TRAM	16/09/2004	106985	Nữ	10A06	
36	NGUYỄN HỮU TRỌNG	10/10/2005	107673	Nam	10A06	
37	LÊ NGỌC TRỌNG	30/04/2005	107013	Nam	10A06	
38	NGÔ TIỀN TRUNG	16/07/2005	114821	Nam	10A06	
39	TRẦN NGUYỄN GIAO TUYỀN	01/01/2005	101670	Nữ	10A06	
40	ĐOÀN VŨ QUỐC VINH	23/12/2005	101697	Nam	10A06	
41	VŨ NGỌC THANH VY	30/01/2005	107747	Nữ	10A06	
42	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	05/05/2005	107082	Nữ	10A06	
43	LÊ ANH XUÂN	10/02/2005	107098	Nữ	10A06	
44	NGUYỄN THI NHƯ Y	26/12/2004	114885	Nữ	10A06	
45	LÊ HOÀNG YÊN	02/11/2005	107107	Nữ	10A06	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	HUYNH TUÂN ANH	03/01/2005	115485	Nam	10A07	
02	TRẦN GIA TUYẾT ANH	15/07/2005	100870	Nữ	10A07	
03	PHẠM THIÊN QUỐC BẢO	02/12/2005	100903	Nam	10A07	
04	LÊ KHÁC BÌNH	24/01/2005	106494	Nam	10A07	
05	ĐỖ THANH ĐẠT	13/10/2005	114331	Nam	10A07	
06	NGUYỄN THI HỒNG DIỄM	21/08/2005	115516	Nữ	10A07	
07	NGUYỄN THI PHƯƠNG DUNG	23/06/2005	107197	Nữ	10A07	
08	TRẦN QUÝ DƯƠNG	11/07/2005	107206	Nam	10A07	
09	TRÌNH HUYNH THIÊN HAI	08/09/2005	100998	Nam	10A07	
10	MAI LÊ TRÚC HÂN	11/09/2005	115537	Nữ	10A07	
11	NGUYỄN NGỌC THUY HẰNG	03/04/2005	106572	Nữ	10A07	
12	TRẦN QUỐC HOA	06/01/2005	106595	Nam	10A07	
13	HUYNH GIA HUY	05/04/2005	106610	Nam	10A07	
14	ĐẶNG GIA KHANG	16/10/2005	107298	Nam	10A07	
15	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	04/09/2005	101131	Nam	10A07	
16	LÊ MINH ĐĂNG KHOA	20/09/2005	106645	Nam	10A07	
17	TRƯƠNG ANH LINH	01/11/2005	106687	Nữ	10A07	
18	VÕ NGỌC THUY LINH	06/06/2005	107357	Nữ	10A07	
19	LÊ NGUYỄN THIÊN MÃN	11/11/2005	115632	Nam	10A07	
20	NGUYỄN KIM NGÂN	20/12/2005	106724	Nữ	10A07	
21	ĐOÀN PHẠM TUYẾT NGHI	22/10/2005	107422	Nữ	10A07	
22	TRẦN LÊ CHÂU NGỌC	23/08/2005	101300	Nữ	10A07	
23	PHẠM THỊ YẾN NHI	20/03/2005	106785	Nữ	10A07	
24	LÊ QUỐC PHÁP	15/06/2005	107488	Nam	10A07	
25	NGUYỄN TÂN HỒNG PHÚC	17/11/2005	106833	Nam	10A07	
26	LÊ DƯƠNG TRÚC PHƯƠNG	09/09/2005	106848	Nữ	10A07	
27	NGUYỄN NGỌC YẾN PHƯƠNG	10/10/2005	106852	Nữ	10A07	
28	VÕ HỒNG YẾN PHƯƠNG	14/01/2005	106856	Nữ	10A07	
29	LÊ TRẦN THẢO TÂM	26/03/2005	107557	Nữ	10A07	
30	TRẦN NHẬT THANH	10/03/2005	106911	Nam	10A07	
31	TRẦN GIA THANH	25/10/2005	108657	Nam	10A07	
32	TRƯƠNG NHẬT THIÊN	01/08/2005	106929	Nam	10A07	
33	QUAN HÀ PHƯỚC THỊNH	01/01/2005	106939	Nam	10A07	
34	NGUYỄN MINH THỦ	27/02/2005	106956	Nữ	10A07	
35	PHẠM LÊ PHƯƠNG TRÂM	23/07/2005	107649	Nữ	10A07	
36	ĐỖ LÊ UYÊN TRẦN	26/01/2005	106987	Nữ	10A07	
37	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	21/02/2005	115818	Nam	10A07	
38	LỮ NGỌC KIM UYÊN	06/11/2004	107047	Nữ	10A07	
39	VĂN HUYNH PHƯƠNG UYÊN	23/04/2005	107051	Nữ	10A07	
40	LÊ VÕ HÀ VI	03/08/2005	107724	Nữ	10A07	
41	THẠCH NGỌC TƯỜNG VI	28/05/2005	101689	Nữ	10A07	
42	VÕ THỊ TƯỜNG VI	16/02/2005	107727	Nữ	10A07	
43	TÔN LONG TRẦN VŨ	01/10/2005	107067	Nam	10A07	
44	LÊ THỊ THANH VY	29/07/2005	115856	Nữ	10A07	
45	NGUYỄN DƯƠNG THANH VY	04/02/2005	101720	Nữ	10A07	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	LÊ TRẦN THUY AN	09/07/2004	106454	Nữ	10A08	
02	NGUYỄN THỊ THUY AN	28/06/2005	100820	Nữ	10A08	
03	ĐÌNH TRƯỜNG AN	22/12/2005	107110	Nam	10A08	
04	Đoàn Tường Dân	13/11/2004	424	Nam	10A08	HN
05	NGUYỄN HUYNH NGỌC DUY	16/05/2005	100978	Nam	10A08	
06	NGUYỄN THUY HA	03/11/2005	107225	Nữ	10A08	
07	NGUYỄN MINH HAI	12/12/2005	107228	Nam	10A08	
08	LAM QUACH PHU HAO	30/11/2004	106574	Nam	10A08	
09	NGUYỄN MAI HIỀN	03/07/2005	101034	Nam	10A08	
10	HỒ HOÀNG HIỆP	22/08/2005	100187	Nam	10A08	
11	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	28/03/2005	106591	Nữ	10A08	
12	Hồ Vĩnh Hoàng	17/12/2005	100201	Nam	10A08	HN
13	VŨ GIA HUY	06/03/2005	114452	Nam	10A08	
14	VŨ ĐĂNG ĐĂNG KHOA	06/03/2005	100282	Nam	10A08	
15	ĐẶNG ANH KHÔI	02/08/2005	106654	Nam	10A08	
16	BUI ĐĂNG KHÔI	21/08/2005	100283	Nam	10A08	
17	ĐẶNG HỒ PHI LONG	02/10/2005	114525	Nam	10A08	
18	NGUYỄN ANH MINH	01/05/2005	114547	Nữ	10A08	
19	TRẦN NGUYỄN BAO NGÂN	24/11/2005	101271	Nữ	10A08	
20	TRẦN PHAM HOANG NGÂN	27/03/2005	114575	Nữ	10A08	
21	DƯƠNG TUYẾT NGÂN	13/03/2005	107411	Nữ	10A08	
22	MAI XUÂN NGHI	06/07/2005	107423	Nữ	10A08	
23	HA LÊ BAO NGỌC	23/10/2005	102125	Nữ	10A08	
24	TRƯỜNG HỒ KHÁNH NHI	04/09/2005	107473	Nữ	10A08	
25	NGUYỄN HOÀNG THANH NHI	08/06/2005	114621	Nữ	10A08	
26	LÊ UYÊN NHI	04/04/2005	107463	Nữ	10A08	
27	PHUNG NGOC XUAN NHI	07/11/2005	108436	Nữ	10A08	
28	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	24/04/2005	101355	Nữ	10A08	
29	VŨ NGỌC YẾN NHƯ	20/05/2005	107482	Nữ	10A08	
30	LÊ MINH QUÂN	24/10/2005	114088	Nam	10A08	
31	TRẦN MINH QUÂN	26/06/2005	106863	Nam	10A08	
32	TRẦN TUỆ SAN	07/01/2005	106879	Nữ	10A08	
33	VŨ HỒNG THANH THAO	22/10/2005	114739	Nữ	10A08	
34	PHAN THỊNH	29/04/2005	100622	Nam	10A08	
35	NGUYỄN PHÁT THỊNH	12/06/2005	107596	Nam	10A08	
36	TRẦN TIỀN TOÀN	23/07/2005	101585	Nam	10A08	
37	NGUYỄN QUÝ TRONG	04/04/2005	113563	Nam	10A08	
38	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	22/01/2005	114814	Nữ	10A08	
39	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	13/05/2005	101631	Nam	10A08	
40	ĐẶNG THANH TUYẾN	03/11/2005	115832	Nữ	10A08	
41	NGUYỄN HOÀNG THANH VŨ	17/08/2005	101703	Nam	10A08	
42	NGUYỄN THỊ BAO VY	14/10/2005	114876	Nữ	10A08	
43	TRỊNH HỒ BAO VY	06/02/2005	107745	Nữ	10A08	
44	ĐẶNG NGỌC KHANH VY	27/11/2005	113631	Nữ	10A08	
45	HUYNH NHẬT VY	26/09/2005	101714	Nữ	10A08	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	HUỖNH NGOC ANH	08/08/2005	100883	Nữ	10A09	
02	GIANG KIM BOI	19/09/2005	100909	Nữ	10A09	
03	NGUYỄN MINH CHIẾN	23/10/2005	114326	Nam	10A09	
04	NGUYỄN BUI TAT DAT	18/04/2005	113005	Nam	10A09	
05	NGUYỄN TUAN DAT	24/03/2005	107185	Nam	10A09	
06	NGUYỄN TRÍ DUNG	25/09/2005	100965	Nam	10A09	
07	BUI THI THU HA	02/12/2005	106554	Nữ	10A09	
08	NGUYỄN THANH HAI	10/03/2005	100996	Nam	10A09	
09	NGUYỄN KIM HANH	29/08/2005	115544	Nữ	10A09	
10	NGUYỄN VU THAO HIEN	23/03/2004	101033	Nữ	10A09	
11	TRAN TRONG HIEU	30/06/2005	107260	Nam	10A09	
12	MAI THI KIM HONG	28/06/2005	114423	Nữ	10A09	
13	VO THIEN HUNG	28/09/2005	101067	Nam	10A09	
14	NGUYỄN HOANG HUY	31/05/2005	101077	Nam	10A09	
15	LA QUOC KHANG	23/08/2005	101108	Nam	10A09	
16	TRUONG HOANG GIA KHANH	14/03/2005	107308	Nam	10A09	
17	NGUYỄN HOANG ANH KHOA	15/11/2005	114483	Nam	10A09	
18	NGUYỄN VU KHOI	27/08/2004	114490	Nam	10A09	
19	HO PHAN MINH KHUE	26/12/2005	106661	Nữ	10A09	
20	TRAN THAI MY	21/11/2005	100371	Nữ	10A09	
21	NGUYỄN TRAN THAO MY	13/04/2005	101248	Nữ	10A09	
22	VU LAM BAO NGHI	16/11/2005	107428	Nữ	10A09	
23	HO VU DONG NGHI	13/10/2005	114578	Nữ	10A09	
24	KIEU PHUONG NHI	06/10/2005	114617	Nữ	10A09	
25	HUA XUAN NHI	03/12/2005	164417	Nữ	10A09	
26	NGUYỄN THI CAM NHUNG	16/12/2005	114058	Nữ	10A09	
27	HUYNH DUC PHU	21/06/2005	107502	Nam	10A09	
28	TRUONG HONG PHUC	07/01/2005	100522	Nữ	10A09	
29	NGUYỄN KIM PHUC	29/08/2005	115701	Nữ	10A09	
30	HOANG LE KIM PHUNG	15/05/2005	100523	Nữ	10A09	
31	PHAN TUNG PHUONG	26/09/2005	107523	Nữ	10A09	
32	NGUYỄN NGOC NHU QUYNH	19/02/2005	114694	Nữ	10A09	
33	VO HOANG SROLIHIN	11/05/2005	101465	Nam	10A09	
34	TRAN HAI THO	29/11/2005	107597	Nam	10A09	
35	LAM QUOC TRIEU	10/03/2005	101620	Nam	10A09	
36	VO THANH TRUC	31/08/2005	107019	Nam	10A09	
37	ĐANG NGUYỄN THANH TU	18/10/2005	107028	Nam	10A09	
38	CHAU GIA TUE	15/11/2005	107035	Nữ	10A09	
39	ĐO BA TUNG	16/07/2005	101659	Nam	10A09	
40	NGUYỄN HOANG VIET	01/09/2005	107061	Nam	10A09	
41	TRAN NGOC PHUONG VY	09/04/2005	114878	Nữ	10A09	
42	NGUYỄN NGOC THAO VY	05/02/2005	100793	Nữ	10A09	
43	NGUYỄN NGOC NHU Y	24/12/2005	102403	Nữ	10A09	
44	HUYNH LE HOANG YEN	26/08/2005	101739	Nữ	10A09	
45	VU HOANG PHUONG YEN	25/06/2005	108937	Nữ	10A09	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	VĂN ANH	15/10/2005	100056	Nữ	10A10	
02	HUYNH NGOC DIÊU ANH	18/07/2005	106465	Nữ	10A10	
03	HUYNH GIA BAO	28/04/2005	100066	Nam	10A10	
04	LÊ THANH NGOC CHAU	30/11/2005	106501	Nữ	10A10	
05	VÕ ĐẠT	19/05/2005	107188	Nam	10A10	
06	TRẦN QUỐC ĐẠT	22/11/2005	106520	Nam	10A10	
07	TRẦN HỒ KHANH DUY	11/01/2005	107212	Nam	10A10	
08	HA AI HAN	06/04/2005	101002	Nữ	10A10	
09	LƯU NGOC HIỂU	22/02/2005	106587	Nam	10A10	
10	LÊ NHỰT HUY	24/03/2005	107281	Nam	10A10	
11	ĐẶNG TRẦN MINH KHANG	06/12/2005	106624	Nam	10A10	
12	NGUYỄN HÀ DUY KHIÊM	01/09/2005	106641	Nam	10A10	
13	PHAN TUÂN KIẾT	18/04/2005	107333	Nam	10A10	
14	BUI TRÚC LINH	07/08/2005	106669	Nữ	10A10	
15	Đỗ Hoàng Việt Linh	25/01/2005	423	Nam	10A10	HN
16	TRƯƠNG ĐÌNH LONG	21/12/2005	101210	Nam	10A10	
17	PHAN LÊ HAI LONG	30/03/2005	107373	Nam	10A10	
18	LÂM MINH MÀN	12/10/2005	100350	Nữ	10A10	
19	TRẦN ĐẶNG HOANG MINH	06/11/2005	107391	Nam	10A10	
20	NGUYỄN THỊ CẨM MY	08/01/2005	100369	Nữ	10A10	
21	VƯƠNG GIANG NGHI	03/09/2005	107429	Nữ	10A10	
22	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	18/07/2005	108396	Nam	10A10	
23	LÂM HOANG YÊN NHI	19/03/2005	101337	Nữ	10A10	
24	NGUYỄN THANH TUYẾT NHƯ	02/09/2005	106800	Nữ	10A10	
25	NGUYỄN TRANG MINH PHÁT	21/09/2005	107494	Nam	10A10	
26	NGUYỄN LÊ AN PHI	01/06/2005	106820	Nữ	10A10	
27	VÕ MẠNH PHI	01/10/2005	106821	Nam	10A10	
28	NGUYỄN VÕ DUY PHONG	17/10/2005	101382	Nam	10A10	
29	TRẦN THIÊN PHÚC	04/06/2005	107512	Nam	10A10	
30	Ninh Xuân Phúc	38637	107508	Nam	10A10	HN
31	ĐÔNG THANH PHƯƠNG	17/09/2005	106847	Nữ	10A10	
32	LÊ PHƯƠNG QUYÊN	23/07/2005	106870	Nữ	10A10	
33	LÊ XUÂN QUYNH	25/03/2005	106875	Nữ	10A10	
34	PHAM NGUYỄN THIÊN TÀI	06/07/2004	107553	Nam	10A10	
35	LƯƠNG THỊ TRÚC THIÊN	13/08/2005	106930	Nữ	10A10	
36	NGUYỄN HOANG ANH THU	06/09/2005	106954	Nữ	10A10	
37	NGUYỄN THỊ THANH THUY	15/06/2005	106963	Nữ	10A10	
38	LÊ THỊ BÍCH THUY	11/07/2005	107625	Nữ	10A10	
39	PHAM THANH THUY	30/04/2005	115778	Nữ	10A10	
40	NGUYỄN TRUNG TIN	02/01/2005	107636	Nam	10A10	
41	TRẦN NGOC BAO TRẦN	10/12/2005	101600	Nữ	10A10	
42	ĐẶNG PHƯƠNG TRẦN	06/09/2005	107650	Nữ	10A10	
43	NGUYỄN NGOC YÊN TRANG	29/09/2005	107002	Nữ	10A10	
44	VÕ NGUYỄN TƯƠNG VY	29/09/2005	107095	Nữ	10A10	
45	NGUYỄN NGOC THAO YÊN	03/12/2005	115873	Nữ	10A10	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	NGUYỄN TRẦN DUY ANH	14/06/2005	107134	Nam	10A11	
02	PHẠM THUY VÂN ANH	10/07/2005	106480	Nữ	10A11	
03	RADIN ABDOUL AZIM	22/11/2005	100886	Nam	10A11	
04	Giang Gia Bảo	29/09/2005	425	Nam	10A11	HN
05	NINH TUYẾT CỎ	03/10/2005	100100	Nữ	10A11	
06	VÔ MINH CUỒNG	12/05/2005	100104	Nam	10A11	
07	LÊ THANH DUY	01/09/2005	106540	Nam	10A11	
08	LUƠNG NGỌC HÂN	10/04/2005	101006	Nữ	10A11	
09	ĐỖ HOÀNG NHẬT HUY	12/02/2005	107279	Nam	10A11	
10	VÔ NGUYỄN HOÀNG KHANG	13/10/2005	115590	Nam	10A11	
11	TRẦN ĐĂNG KHOA	21/08/2005	106651	Nam	10A11	
12	MAI THI ANH LINH	30/05/2005	109485	Nữ	10A11	
13	HA NGOC LINH	23/04/2005	107344	Nữ	10A11	
14	LÊ HOÀNG MINH	01/11/2005	101229	Nam	10A11	
15	HÔNG THIÊN MINH	17/05/2005	106707	Nam	10A11	
16	NGUYỄN NGOC KIM NGÂN	20/05/2005	106728	Nữ	10A11	
17	TRẦN NGOC KIM NGÂN	06/11/2005	106730	Nữ	10A11	
18	VÔ HỒ PHƯƠNG NGHI	19/08/2005	107427	Nữ	10A11	
19	TRẦN THI THANH NGOC	11/05/2005	107442	Nữ	10A11	
20	NGUYỄN HOÀNG THAO NGUYỄN	17/06/2005	106759	Nữ	10A11	
21	NGUYỄN NGOC TUYẾT NHI	26/11/2005	107468	Nữ	10A11	
22	TRẦN NGUYỄN YÊN NHI	25/07/2005	100471	Nữ	10A11	
23	TRẦN ĐỨC PHÁT	30/07/2005	106815	Nam	10A11	
24	CAO THANH PHÁT	31/10/2005	106808	Nam	10A11	
25	VŨ THIÊN QUÂN	02/08/2005	101430	Nam	10A11	
26	LÊ ANH TRÚC QUÂN	07/09/2005	108553	Nữ	10A11	
27	NGUYỄN NGOC PHƯƠNG QUYÊN	22/02/2005	106872	Nữ	10A11	
28	PHAN TÂN TÀI	23/01/2005	107554	Nam	10A11	
29	TRẦN QUỐC THAI	30/10/2005	101479	Nam	10A11	
30	PHẠM HOÀNG XUÂN THAO	28/12/2005	106922	Nữ	10A11	
31	NGUYỄN XUÂN DUY THINH	08/07/2005	106938	Nam	10A11	
32	NGUYỄN KIỀU TIỀN	09/08/2005	115780	Nữ	10A11	
33	LÊ XUÂN TIỀN	19/10/2005	107633	Nữ	10A11	
34	NGUYỄN TRUNG TÍN	14/10/2005	100680	Nam	10A11	
35	LÊ NGỌC MINH TRANG	16/04/2005	106997	Nữ	10A11	
36	NGUYỄN THI THUY TRANG	30/10/2005	107658	Nữ	10A11	
37	LA THI THANH TRÚC	29/01/2005	107015	Nữ	10A11	
38	ĐỖ CÔNG TRƯỜNG	24/09/2005	107684	Nam	10A11	
39	LÊ THANH TUÂN	15/04/2005	107032	Nam	10A11	
40	DUƠNG NGUYỄN TÙNG	18/01/2005	101660	Nam	10A11	
41	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG UYÊN	24/07/2005	107713	Nữ	10A11	
42	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	23/03/2005	107049	Nữ	10A11	
43	ĐÀO NGỌC THANH VY	05/05/2005	107069	Nữ	10A11	
44	TRẦN NGOC NHƯ Y	20/10/2005	107751	Nữ	10A11	
45	LÂM THI BẠCH YẾN	15/09/2005	107106	Nữ	10A11	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	LÊ NGUYỄN THUY AN	22/08/2005	106453	Nữ	10A12	
02	TRẦN NGUYỄN BAO ANH	29/04/2005	106484	Nam	10A12	
03	PHẠM THI NGỌC ANH	10/06/2005	107136	Nữ	10A12	
04	HUỲNH NGÔ KIM ANH	19/10/2005	107144	Nữ	10A12	
05	VUÔNG MINH CHÂU	02/07/2005	107163	Nữ	10A12	
06	PHẠM HOÀNG DUY	09/05/2005	106544	Nam	10A12	
07	TÀNG NHẬT DUY	02/12/2005	107211	Nam	10A12	
08	MAI TUẤN HAI	28/03/2005	101888	Nam	10A12	
09	VÕ HUỲNH NGỌC HÂN	29/10/2005	107239	Nữ	10A12	
10	TRẦN CHÍ HAO	08/11/2005	100183	Nam	10A12	
11	VŨ LÂM QUANG HUY	05/03/2005	100239	Nam	10A12	
12	VÕ TÂM NGUYỄN KHANG	12/11/2005	107305	Nam	10A12	
13	VÕ ANH KHOA	26/02/2005	107318	Nam	10A12	
14	PHẠM ĐĂNG KHOA	23/09/2005	106649	Nam	10A12	
15	NGUYỄN NGỌC BAO LÂM	07/10/2005	101168	Nam	10A12	
16	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	21/02/2005	107350	Nữ	10A12	
17	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG LONG	30/10/2005	107369	Nam	10A12	
18	PHAN THI BẠCH LÝ	06/04/2005	104539	Nữ	10A12	
19	NGUYỄN HOÀNG MAI	05/01/2005	108270	Nữ	10A12	
20	NGUYỄN NGỌC YẾN MY	07/03/2005	106713	Nữ	10A12	
21	TRẦN HAO NAM	10/09/2005	101257	Nam	10A12	
22	NGUYỄN HOÀNG NAM	29/06/2005	104598	Nam	10A12	
23	TRẦN THI KIM NGÂN	21/06/2005	107420	Nữ	10A12	
24	NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG NGHĨ	08/12/2005	106738	Nữ	10A12	
25	NGUYỄN TRUNG NGHĨ	26/01/2005	101279	Nam	10A12	
26	LY NGUYỄN BAO NGỌC	25/02/2005	106749	Nữ	10A12	
27	NGUYỄN PHAN NHƯ NGỌC	12/10/2005	106751	Nữ	10A12	
28	HỒ NGÔ VĨNH NGUYỄN	23/03/2005	107444	Nam	10A12	
29	ĐẶNG KHÁNH NHÌ	20/03/2005	101331	Nữ	10A12	
30	LY MINH QUANG	25/11/2005	106867	Nam	10A12	
31	NGUYỄN PHƯƠNG QUYÊN	26/01/2005	164505	Nữ	10A12	
32	BUI THANH SANG	05/08/2005	106881	Nam	10A12	
33	TRẦN CHÍ TÂN	30/03/2005	107563	Nam	10A12	
34	NGUYỄN PHAN ANH THƯ	07/03/2005	104962	Nữ	10A12	
35	LÊ HẠC BAO TRẦN	16/08/2005	107651	Nữ	10A12	
36	VÕ THI MỸ TRẦN	28/09/2005	106993	Nữ	10A12	
37	PHẠM NGUYỄN KIỀU TRANG	18/12/2005	107004	Nữ	10A12	
38	LƯƠNG THANH TÚ	07/09/2005	107690	Nam	10A12	
39	NGUYỄN THANH TÚ	29/08/2005	101643	Nam	10A12	
40	TRẦN LÊ MỸ UYÊN	25/08/2005	107717	Nữ	10A12	
41	NGUYỄN NGỌC THẢO UYÊN	21/03/2005	107714	Nữ	10A12	
42	ĐỖ PHẠM TỎ UYÊN	02/10/2005	107045	Nữ	10A12	
43	LÊ TÚ VÂN	03/04/2005	115432	Nữ	10A12	
44	ABDUL WAHAB	07/09/2005	115866	Nam	10A12	
45	HUỲNH DUYỀN NHƯ Ý	29/06/2005	115868	Nữ	10A12	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Giới tính	Lớp 2020-2021	Ghi chú
01	HỒ THỊ PHƯƠNG ANH	25/07/2005	113678	Nữ	10A13	
02	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ANH	01/05/2005	100852	Nữ	10A13	
03	LAM QUYNH ANH	27/07/2005	100027	Nữ	10A13	
04	PHAM NGOC VAN ANH	06/09/2005	114298	Nữ	10A13	
05	PHAN HUYNH VAN ANH	04/01/2005	104040	Nữ	10A13	
06	NGUYỄN MINH DANH	23/05/2005	107174	Nam	10A13	
07	LÊ TÂN ĐẠT	04/06/2005	106516	Nam	10A13	
08	NGUYỄN VĂN ĐẠT	10/11/2005	106519	Nam	10A13	
09	VƯƠNG THỤC DINH	29/03/2005	100120	Nữ	10A13	
10	HOÀNG TUẤN DŨNG	26/07/2005	106531	Nam	10A13	
11	ĐOÀN THỌ HOANG GIÁP	04/11/2005	106552	Nam	10A13	
12	LÊ NGUYỄN NGOC GIAU	23/09/2005	106553	Nữ	10A13	
13	NGUYỄN THỊ NGOC HA	08/12/2005	106556	Nữ	10A13	
14	Lê Nhật Hào	14/06/2005	107244	Nam	10A13	TDDT
15	TRẦN QUANG HUY	23/09/2005	104349	Nam	10A13	
16	PHAN THANH HUY	08/07/2005	107287	Nam	10A13	
17	TRẦN ĐĂNG THANH HUYỀN	19/01/2005	108109	Nữ	10A13	
18	Lư Đăng Khoa			Nam	10A13	HL
19	PHUNG VINH KHÔI	04/09/2005	106659	Nam	10A13	
20	PHAN ANH KIẾT	01/08/2005	115605	Nam	10A13	
21	NGUYỄN PHUNG KHANH LINH	14/06/2005	106681	Nữ	10A13	
22	PHAM THỊ MỸ LINH	02/06/2005	107355	Nữ	10A13	
23	TRINH KIM LOAN	18/05/2005	107361	Nữ	10A13	
24	ĐỖ THANH NAM	18/03/2005	107399	Nam	10A13	
25	LAM KIM NGÂN	05/10/2005	101261	Nữ	10A13	
26	TRƯƠNG THAI KIM NGÂN	17/09/2005	101273	Nữ	10A13	
27	VÕ THANH NGÂN	04/03/2005	107421	Nữ	10A13	
28	NGUYỄN NGOC KIỀU NHI	08/03/2005	106781	Nữ	10A13	
29	TRẦN THIÊN PHÚC	01/05/2005	107513	Nam	10A13	
30	VŨ NGOC TÔ QUYÊN	22/03/2005	107538	Nữ	10A13	
31	NGÔ THUY NHƯ QUYNH	13/10/2005	107542	Nữ	10A13	
32	ĐỖ TÂN TÀI	13/07/2005	115728	Nam	10A13	
33	TRƯƠNG THỊ NGOC THAO	10/05/2005	106926	Nữ	10A13	
34	BUI TÂM THAO	08/11/2005	106917	Nữ	10A13	
35	NGUYỄN THIÊN	01/09/2005	106931	Nam	10A13	
36	Ô NGOC MINH THY	17/03/2005	106970	Nữ	10A13	
37	NGUYỄN NGOC TRÂM	16/07/2005	100691	Nữ	10A13	
38	TRẦN NGOC THANH TRANG	25/03/2005	101611	Nữ	10A13	
39	NGUYỄN HOÀNG TỬ	20/06/2005	107691	Nam	10A13	
40	VŨ MẠNH TUẤN	03/05/2005	107034	Nam	10A13	
41	NGUYỄN NHÀ UYÊN	04/10/2005	100764	Nữ	10A13	
42	GIANG CHÂN VĨ	14/03/2005	100772	Nam	10A13	
43	TRINH CHỈ VĨ	29/03/2005	101693	Nam	10A13	
44	TRẦN QUỐC VIỆT	12/03/2005	107062	Nam	10A13	
45	ĐÀO KHANH VY	02/10/2005	91271	Nữ	10A13	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Hiệu trưởng